

Số: 135/QĐ-UBND

Kinh Môn, ngày 20 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách
nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ
ngân sách phường năm 2025 sau sắp xếp**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG KINH MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung
Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà
nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu
nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số
56/2024/QH15);*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND, ngày 25/7/2025 của UBND
thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm
2025 cho các cấp, các ngành, các đơn thị thành phố sau sắp xếp;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06/8/2025 của HĐND
phường Kinh Môn về việc dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi
ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2025 sau sắp xếp;*

*Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 về việc giao dự
toán thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân
sách phường năm 2025 sau sắp xếp;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND
phường Kinh Môn về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước trên địa
bàn, thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường năm 2025
sau sắp xếp;*

*Căn cứ vào Quyết định số 126/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của
UBND phường Kinh Môn về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước
trên địa bàn, thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách phường
năm 2025 sau sắp xếp;*



Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu ngân sách trên địa bàn; thu, chi ngân sách phường và phân bổ ngân sách phường năm 2025 sau sắp xếp đã được Hội đồng nhân dân phường quyết định.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.


Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT. Đảng ủy phường;
- TT. HĐND phường;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc phường;
- Các cơ quan, đoàn thể;
- Trung tâm VH, TT&TT phường;
- Các Tổ dân phố;
- Lưu VT, KTHT&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bảo Trung





PHỤ LỤC 1

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 135/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025 (Nghị quyết số 47/NQ-HĐND thành phố)		Điều chỉnh tăng (+), âm (-)		Dự toán sau điều chỉnh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	214.775	203.930	7.098	7.098	221.873	211.028
I	Thu nội địa	15.065	4.220	-	-	15.065	4.220
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			-	-	-	-
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)			-	-	-	-
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài					-	-
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	2.747	824			2.747	824
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.496	449			1.496	449
6	Thuế bảo vệ môi trường					-	-
7	Lệ phí trước bạ					-	-
8	Thu phí, lệ phí	53	53			53	53
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					-	-
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					-	-
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					-	-
12	Thu tiền sử dụng đất	10.500	2.625			10.500	2.625
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					-	-
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)					-	-
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản					-	-
16	Thu khác ngân sách	79	79			79	79
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	190	190			190	190
II	Thu huy động đóng góp			-	-	-	-
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang			-	-	-	-
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	199.710	199.710	7.098	7.098	206.808	206.808
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	199.710	199.710	7.098	7.098	206.808	206.808



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 135/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025 (Nghị quyết số 47/NQ-HĐND)	Điều chỉnh tăng (+), âm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
A	B	1	2	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	203.930	7.098	211.028
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	203.930	7.098	211.028
	Trong đó:			-
I	Chi đầu tư phát triển	2.625		2.625
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.625		2.625
2	Chi đầu tư phát triển khác			-
II	Chi thường xuyên	191.524	7.533	199.057
	Trong đó:			-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	77.313	6.324	83.637
2	Quốc phòng	1.443	-63	1.380
3	An ninh	1.625		1.625
4	Chi khoa học và công nghệ			-
5	Chi y tế, dân số và gia đình	165		165
6	Chi văn hóa thông tin	1.365		1.365
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.330		1.330
8	Chi thể dục thể thao	1.269		1.269
9	Chi bảo vệ môi trường	67		67
10	Chi các hoạt động kinh tế	2.766	1.272	4.038
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	53.096		53.096
12	Chi bảo đảm xã hội	50.848		50.848
13	Chi khác	237		237
III	Dự phòng ngân sách	9.781	-435	9.346
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	Chi viện trợ			
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu			



PHỤ LỤC 3

BIỂU CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH

(Kèm theo Quyết định số: 135/QĐ-UBND ngày 20/11/2025 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ghi chú
A	B	1	2
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	211.028	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	4.220	
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	322	
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	3.898	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	206.808	
-	Thu bổ sung cân đối	206.808	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		
III	Thu kết dư		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	211.028	
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	211.028	
1	Chi đầu tư phát triển	2.625	
2	Chi thường xuyên	199.057	
3	Dự phòng ngân sách	9.346	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
II	Chi viện trợ		
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu		
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau		

